

Số: 08/2022/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ SÁU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Bộ Y tế về quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2;*

*Xét Tờ trình số 2217/TTr-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 483/BC-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp.*

## **QUYẾT NGHỊ:**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

a) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, trừ các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các bệnh viện hạng đặc biệt, bệnh viện hạng I thuộc các Bộ, cơ quan Trung ương và các cơ sở y tế công lập thực hiện dịch vụ y tế dự phòng;

b) Người bệnh chưa tham gia bảo hiểm y tế; người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế nhưng đi khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 (chưa bao gồm chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2) trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế**

Mức giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm chi phí sinh phẩm xét nghiệm SARS-CoV-2) trong trường hợp không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế bằng mức giá quy định tại cột 1 Phụ lục kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT ngày 18/02/2022 của Bộ Y tế quy định giá dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:**

a) Tăng cường công tác truyền thông, kịp thời tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định; trong đó, thông tin cho người dân về mức giá

dịch vụ xét nghiệm SARS-CoV-2 bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm);

b) Quản lý mức giá sinh phẩm xét nghiệm để đảm bảo mức giá tối đa, bao gồm cả sinh phẩm xét nghiệm SARS-Cov-2 không vượt quá mức giá quy định tại cột 2 Phụ lục ban hành theo Thông tư số 02/2022/TT-BYT;

c) Tiếp tục vận động và có giải pháp phù hợp để tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân Thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 7 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP.HCM;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam TP.HCM;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân TP.HCM;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐEBQH và HĐND TP.HCM: CVP, PVP;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân TP.HCM;
- Thủ trưởng các Sở, ban, ngành TP.HCM;
- Thường trực HĐND thành phố Thủ Đức và các huyện;
- UBND, UBMTTQVN thành phố Thủ Đức và các quận, huyện;
- Trung tâm Công báo TP.HCM;
- Lưu: VT, (BKTNS-Tr).

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Lệ**



## PHỤ LỤC

### MỨC GIÁ DỊCH VỤ XÉT NGHIỆM SARS-COV-2

(Đính kèm Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022)

Đơn vị tính: đồng

| STT | DANH MỤC DỊCH VỤ                                                                  | Mức giá bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí tiền lương (chưa bao gồm sinh phẩm xét nghiệm) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | 2                                                                                 | 3                                                                                           |
| I   | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag test nhanh mẫu đơn                                       | 11.200                                                                                      |
| II  | Xét nghiệm SARS-CoV-2 Ag miễn dịch tự động/ bán tự động mẫu đơn                   | 30.800                                                                                      |
| III | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu đơn, gồm | 212.700                                                                                     |
| 1   | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                     | 45.400                                                                                      |
| 2   | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                               | 167.300                                                                                     |
| IV  | Xét nghiệm SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR trong trường hợp mẫu gộp      |                                                                                             |
| 1   | Trường hợp gộp $\leq 5$ que tại thực địa (nơi lấy mẫu)                            | 78.800                                                                                      |
| 1.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                     | 24.100                                                                                      |
| 1.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                               | 54.700                                                                                      |
| 2   | Trường hợp gộp 6-10 que tại thực địa (nơi lấy mẫu)                                | 62.500                                                                                      |
| 2.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                     | 23.300                                                                                      |
| 2.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                               | 39.200                                                                                      |
| 3   | Trường hợp gộp $\leq 5$ mẫu tại phòng xét nghiệm                                  | 112.500                                                                                     |
| 3.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                     | 48.400                                                                                      |
| 3.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                               | 64.100                                                                                      |
| 4   | Trường hợp gộp 6-10 mẫu tại phòng xét nghiệm                                      | 97.200                                                                                      |
| 4.1 | Lấy mẫu và bảo quản bệnh phẩm                                                     | 49.200                                                                                      |
| 4.2 | Thực hiện xét nghiệm và trả kết quả                                               | 48.000                                                                                      |